

Số: 138/BC-CTHADS

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả công tác thi hành án dân sự 4 tháng đầu năm 2022 Và phương hướng, nhiệm vụ công tác 8 tháng cuối năm 2022

Thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ngành, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện và chỉ đạo các cơ quan Thi hành án dân sự trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022, trong 4 tháng đầu năm đã đạt được những kết quả cụ thể qua các mặt công tác sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.

1. Tình hình quán triệt triển khai thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ THADS, theo dõi THAHC

Nhận thức được tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện chỉ tiêu về nhiệm vụ thi hành án theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội; Quyết định số 1804/QĐ-BTP ngày 02/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành chương trình công tác trọng tâm trong lĩnh vực thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2022 và Quyết định số 1020/QĐ-TCTHADS ngày 24/12/2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính cho các Cơ quan thi hành án dân sự địa phương năm 2022. Cục Thi hành án dân sự Tỉnh đã triển khai và ra Quyết định về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ thi hành án cho các Phòng chuyên môn, các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc tỉnh Bắc Ninh năm 2022.

Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 19/CT-TU ngày 19/4/2012 của Ban Thường Vụ Tỉnh uỷ Bắc Ninh về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh; Chỉ đạo và thực hiện tốt công tác rà soát, phân loại án; thường xuyên bám sát cơ sở, trực tiếp hướng dẫn các Chấp hành viên Cục và các Chi cục tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành án.

Quán triệt và chỉ đạo Phòng chuyên môn thuộc Cục, các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ Tư pháp liên quan đến công tác thi hành án dân sự (Kết luận của Tổng Cục trưởng tại Hội nghị triển khai công tác THADS năm 2022 văn bản chỉ đạo triển khai công tác đầu năm, văn bản phát động các đợt cao điểm thi hành án, Kết luận kiểm tra, các Thông báo kết luận...)

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt với dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, dự báo sẽ lây lan nhanh trên diện rộng, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người và kinh tế - xã hội của đất nước. Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp

thông tin người phải thi hành án; theo dõi thi hành án hành chính đối với các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính,...đều được triển khai tới từng đơn vị trực thuộc.

Các vụ việc phức tạp, khó khăn vướng mắc, nhất là các vụ việc kê biên, bán đấu giá tài sản, Cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện đều trực tiếp xin ý kiến chỉ đạo và được Cục Thi hành án dân sự tỉnh giải đáp, hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ kịp thời đạt hiệu quả tốt.

3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng.

Tổng số biên chế toàn tỉnh được giao 89 biên chế. Trong đó, số biên chế được giao của Cục là 22 biên chế, các Chi cục là 67 biên chế. Số biên chế hiện có tính đến thời điểm 27/01/2022 là 83 biên chế, thiếu 06 biên chế so với chỉ tiêu được giao; Số hợp đồng theo Nghị định 161 là 16. Nhìn chung, đội ngũ công chức, người lao động các cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh được đào tạo cơ bản, đáp ứng yêu cầu về năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Triển khai thực hiện xong việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm đối với công chức, đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy trình công khai minh bạch theo quy định. Công tác quy hoạch cũng luôn được tập thể lãnh đạo Cục quan tâm và thực hiện kịp thời, hiện Cục đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Phó cục trưởng, Cục THADS tỉnh giai đoạn 2021-2026, đã trình Tổng cục THADS chờ phê duyệt. Thực hiện xong việc Thông báo, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức năm 2021 và báo cáo theo Công văn số 4119/TCTHADS-TCCB và Công văn số 364/TB-TCTHADS về việc Thông báo tuyển dụng công chức Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan Thi hành án dân sự năm 2021 của Tổng cục THADS. Thực hiện việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với 04 kế toán thuộc Chi cục THADS trực thuộc, cũng như quyết định tạm giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2022 cho các Phòng chuyên môn và tương đương thuộc cục, các Chi cục THADS trực thuộc tỉnh. Thực hiện phối hợp xây dựng báo cáo Thanh tra bộ nội vụ theo công văn số 40/TCTHADS-TCCB ngày 05/01/2022, đồng thời Triển khai thực hiện việc tự kiểm tra công tác tổ chức cán bộ thời điểm từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 theo chỉ đạo của Tổng cục THADS.

Ngoài ra, công tác kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh và cấp huyện cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch đối với công chức luôn được quan tâm, chú trọng. Các chế độ chính sách đối với công chức, người lao động, như nâng bậc lương thường xuyên, hưởng phụ cấp thâm niên nghề, nâng lương trước thời hạn... luôn được Cục THADS tỉnh quan tâm, thực hiện đầy đủ và kịp thời.

4. Công tác kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4.1. Công tác kiểm tra.

- Thực hiện Công văn số 3032/TCTHADS-TKDLCN ngày 15/9/2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc tăng cường các biện pháp tổ chức thi hành án,

- Kết quả đã giải quyết xong: 04 việc (Khiếu nại 03 việc; tố cáo 01 việc). Còn 06 việc đang xem xét giải quyết theo quy định.

- Số việc chuyên cơ quan cấp dưới là 07 việc.

5. Công tác tài chính, kế toán đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác

Công tác quản lý điều hành và sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả. Cục thường xuyên tăng cường kỷ luật kỷ cương trong quản lý sử dụng ngân sách và phí thi hành án, tài sản, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, có hiệu quả, đúng pháp luật phục vụ tốt nhiệm vụ chuyên môn. Trong 04 tháng đầu năm, Cục thực hiện tốt việc phân bổ dự toán, quản lý, giám sát, thẩm tra, thẩm định phê duyệt quyết toán theo thẩm quyền. Sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo nguồn kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức góp phần cải thiện đời sống cho cán bộ, công chức.

Đối với việc mua sắm tài sản trang thiết bị phục vụ cho công tác thi hành án dân sự thực hiện theo đúng yêu cầu và quy trình về mua sắm tài sản.

6. Công tác thi đua khen thưởng

Cục đã có kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2022 và đã tổ chức ký giao ước thi đua đối với các Phòng chuyên môn thuộc Cục và các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc. Triển khai và hướng dẫn đăng ký thi đua đến toàn thể cán bộ công chức trong thi hành án trong toàn tỉnh; đăng ký thi đua và ký giao ước thi đua Cụm Khối thi đua khu vực và các ngành trong khối nội chính của tỉnh.

7. Cải cách hành chính, hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự và cơ chế một cửa tại các cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh

Công tác hỗ trợ trực tuyến yêu cầu thi hành án được hướng dẫn và thực hiện theo đúng quy định. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa được các cơ quan Thi hành án trong tỉnh thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đảm bảo đúng trình tự và thời hạn quy định.

8. Công tác phối hợp trong thi hành án dân sự.

- Công tác thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, HĐND, UBND các cấp trong việc đôn đốc kiểm tra, chỉ đạo các Ngành phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan Thi hành án dân sự hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục phối hợp tốt với các trại giam, trại tạm giam trong việc thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam; Tiếp tục phối hợp xử lý các khoản tiền thi hành án do phạm nhân nộp trại các trại giam, trả lại tiền và tài sản cho người được thi hành án là phạm nhân,...

- Công tác phối hợp theo Quy chế phối hợp số 01/2016/QCLN/CTHADS-VKS-TA-CA ngày 11/3/2016 giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh với Công an, Tòa án,

- Tiếp tục tăng cường, chấn chỉnh, thực hiện kỷ luật, kỷ cương công tác đối với các đơn vị và cán bộ, công chức trong Ngành; Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức theo quy định.

- Phát huy kết quả công tác đã đạt được trong năm 2021, tiếp tục tập trung chỉ đạo sát sao và có những giải pháp quyết liệt trong tổ chức thi hành án đối với các vụ việc có điều kiện thi hành; tổ chức thực hiện việc phân loại việc có điều kiện, việc chưa có điều kiện thi hành bảo đảm chính xác, thực chất, kiên quyết không để xảy ra tình trạng việc có điều kiện chuyển sang việc không có điều kiện thi hành; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ kịp thời đối với các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn, nhất là các ngành trong khối nội chính; tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự để chủ động tháo gỡ khó khăn trong việc thi hành án. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ được giao năm 2022.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thi hành án dân sự; chỉ đạo các Chi cục giải quyết dứt điểm, đúng quy định các đơn thư khiếu nại, không để xảy ra khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và đoàn thể địa phương trong công tác thi hành án dân sự, đặc biệt là các cơ quan trong khối nội chính và UBND cấp xã;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019 của Bộ Tư pháp về thống kê thi hành án dân sự và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

Trên đây là báo cáo công tác thi hành án dân sự 4 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 8 tháng năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh./.

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS (để b/c);
- Ban nội chính Tỉnh ủy (để b/c);
- Ban pháp chế HĐND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng chuyên môn;
- Các Chi cục THADS trực thuộc tỉnh;
- Lưu VP.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Chí Hoan

Biểu số: 04/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 21 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG VIỆC CHIA THEO CƠ

QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIỆN

4 tháng/năm 2022

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Bắc Ninh

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án

dân sự

Đơn vị tính: Bàn án, quyết định, việc và %

| STT | Tên chỉ tiêu | Tổng số bàn án, quyết định đã nhận | Tổng số giải quyết | Chưa ra: | | Thu hồi, hủy quyết định THA | Tổng số phải thi hành | Chia ra: | | | | Chưa có điều kiện đã chuyển số theo đôi riêng) | Hoàn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48) | Tạm đình chỉ thi hành án | Số chuyển kỳ sau | Tỷ lệ thi hành trong số có điều kiện | | | | |
|-----|-----------------------------|--|-----------------------|--|---------------|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|--|---|--|--------------------------------------|------------------------|--|-----------------------|------------------|----------|----|
| | | | | Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo đôi riêng) | Thụ lý mới | | | Ủy thác thi hành án | Chia ra: | | Hoàn thi theo điểm c k1, Đ 48 | | | | | | Trường hợp khác | | | |
| | | | | | | | | | Tổng số điều kiện hành | Tổng số điều kiện hành | | | | | | | | Đang thi hành | Đình chỉ | |
| A | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| | Tổng số | 1,649 | 5,184 | 2,783 | 2,401 | 87 | 5,091 | 3,572 | 1,785 | 1,769 | 16 | 1,779 | 4 | 4 | 1,436 | 81 | 2 | 3,306 | 49,97% | |
| I | Cục THADS tỉnh Bắc Ninh | 98 | 292 | 61 | 231 | 15 | 277 | 246 | 162 | 84 | - | 84 | - | 26 | 5 | - | 115 | 65,85% | | |
| 1 | Nguyễn Bá Bình | 2 | 2 | - | 2 | - | 2 | 2 | 2 | 2 | - | - | - | - | - | - | - | - | 100,00% | |
| 2 | Khúc Thành Dũng | 22 | 91 | 24 | 67 | 2 | 89 | 75 | 48 | 48 | - | 27 | - | 10 | 4 | - | 41 | 64,00% | | |
| 3 | Đỗ Đăng Hợp | 4 | 6 | - | 6 | - | 6 | 6 | 6 | 6 | - | - | - | - | - | - | - | - | 100,00% | |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 35 | 92 | 14 | 78 | 10 | 82 | 77 | 55 | 55 | - | 22 | - | 5 | - | - | 27 | 71,43% | | |
| 5 | Nguyễn Đăng Thăng | 17 | 61 | 18 | 43 | 1 | 60 | 51 | 37 | 37 | - | 14 | - | 8 | 1 | - | 23 | 72,55% | | |
| 6 | Hoàng Đức Toàn | 2 | 17 | 5 | 12 | - | 17 | 14 | 3 | 3 | - | 11 | - | 3 | - | - | 14 | 21,43% | | |
| 7 | Lương Minh Tuấn | 6 | 8 | - | 8 | 1 | 7 | 7 | 2 | 2 | - | 5 | - | - | - | - | 5 | 28,57% | | |
| 8 | Nguyễn Chi Hoan | 1 | 1 | - | 1 | - | 1 | 1 | - | - | - | 1 | - | - | - | - | 1 | 0,00% | | |
| 9 | Nguyễn Hoài Phương | 8 | 13 | - | 13 | 1 | 12 | 12 | 8 | 8 | - | 4 | - | - | - | - | 4 | 66,67% | | |
| 10 | Nguyễn Đức Hùng | 1 | 1 | - | 1 | - | 1 | 1 | 1 | 1 | - | - | - | - | - | - | - | - | 100,00% | |
| II | Các chi cục THADS | 1,551 | 4,892 | 2,722 | 2,170 | 72 | 4,814 | 3,326 | 1,623 | 1,607 | 16 | 1,695 | 4 | 4 | 1,410 | 76 | 2 | 3,191 | 48,80% | |
| I | Chi cục THADS TP Bắc Ninh | 246 | 753 | 404 | 349 | 16 | 735 | 495 | 291 | 289 | 2 | 199 | 2 | 3 | 227 | 12 | 1 | 444 | 58,79% | |
| 1.1 | Nguyễn Văn Tiến | 60 | 72 | 2 | 70 | 9 | 63 | 63 | 60 | 60 | - | 3 | - | - | - | - | - | 3 | 95,24% | |
| 1.2 | Lê Quốc Tráng | 43 | 188 | 131 | 57 | 4 | 182 | 93 | 47 | 47 | - | 44 | 2 | 83 | 5 | 1 | 135 | 50,54% | | |
| 1.3 | Ng.Quốc Cường | 15 | 90 | 68 | 22 | - | 90 | 59 | 26 | 26 | - | 33 | - | 31 | - | - | 64 | 44,07% | | |
| 1.4 | Phạm Đình Tuấn | 47 | 147 | 74 | 73 | 1 | 146 | 101 | 59 | 58 | 1 | 42 | - | 41 | 4 | - | 87 | 58,42% | | |
| 1.5 | Trương Quốc Bình | 36 | 110 | 57 | 53 | 1 | 109 | 83 | 40 | 40 | - | 40 | - | 24 | 2 | - | 69 | 48,19% | | |
| 1.6 | Đình Văn Sơn | 45 | 146 | 72 | 74 | 1 | 145 | 96 | 59 | 58 | 1 | 37 | - | 48 | 1 | - | 86 | 61,46% | | |
| 2 | Chi cục THADS thị xã Từ Sơn | 292 | 921 | 507 | 414 | 3 | 918 | 662 | 274 | 273 | 1 | 387 | - | 214 | 42 | - | 644 | 41,39% | | |
| 2.1 | Chu Văn Thòa | 16 | 29 | 2 | 27 | - | 29 | 28 | 27 | 27 | - | 1 | - | 1 | - | - | 2 | 96,43% | | |
| 2.2 | Vũ Mạnh Cường | 88 | 320 | 176 | 144 | 2 | 318 | 233 | 104 | 104 | - | 129 | - | 76 | 9 | - | 214 | 44,64% | | |
| 2.3 | Đỗ Hùng Cường | 90 | 292 | 173 | 119 | - | 292 | 201 | 82 | 82 | - | 118 | - | 63 | 28 | - | 210 | 40,80% | | |
| 2.4 | Ngô Đức Tuyên | 98 | 280 | 156 | 124 | 1 | 279 | 200 | 61 | 60 | 1 | 139 | - | 74 | 5 | - | 218 | 30,50% | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--|-----|-------|-----|-----|----|---|-------|-----|-----|-----|---|-----|---|-----|----|---|-----|--------|
| 3 | Chi cục THADS huyện Tiên Du | 128 | 565 | 291 | 274 | 19 | 2 | 544 | 393 | 169 | 169 | - | 224 | - | 150 | 1 | - | 375 | 43.00% |
| 3.1 | Đào Đức Mạnh | 76 | 179 | 37 | 142 | 19 | 2 | 158 | 144 | 94 | 94 | - | 50 | - | 14 | - | - | 64 | 65.28% |
| 3.2 | Nguyễn Văn Hùng | 23 | 143 | 94 | 49 | - | - | 143 | 95 | 29 | 29 | - | 66 | - | 47 | 1 | - | 114 | 30.53% |
| 3.3 | Nguyễn Ngọc Thạch | 29 | 243 | 160 | 83 | - | - | 243 | 154 | 46 | 46 | - | 108 | - | 89 | - | - | 197 | 29.87% |
| 4 | Chi cục THADS huyện Yên Phong | 308 | 1,051 | 694 | 357 | 10 | 2 | 1,039 | 671 | 258 | 252 | 6 | 413 | - | 354 | 14 | - | 781 | 38.45% |
| 4.1 | Nguyễn Tiến Lực | 106 | 354 | 247 | 107 | - | 2 | 352 | 195 | 72 | 71 | 1 | 123 | - | 157 | - | - | 280 | 36.92% |
| 4.2 | Lê Đăng Đào | 75 | 205 | 118 | 87 | 10 | - | 195 | 125 | 68 | 68 | - | 57 | - | 56 | 14 | - | 127 | 54.40% |
| 4.3 | Nguyễn Công Diễn | 59 | 215 | 154 | 61 | - | - | 215 | 149 | 46 | 45 | 1 | 103 | - | 66 | - | - | 169 | 30.87% |
| 4.4 | Nguyễn Thế Nội | 68 | 277 | 175 | 102 | - | - | 277 | 202 | 72 | 68 | 4 | 130 | - | 75 | - | - | 205 | 35.64% |
| 5 | Chi cục THADS huyện Quế Võ | 220 | 480 | 188 | 292 | 11 | - | 469 | 370 | 240 | 237 | 3 | 129 | 1 | 98 | - | 1 | 229 | 64.86% |
| 5.1 | Cung Văn Tâm | 57 | 96 | 17 | 79 | 10 | - | 86 | 76 | 65 | 65 | - | 11 | - | 10 | - | - | 21 | 85.53% |
| 5.2 | Lê Nho Luận | 85 | 154 | 50 | 104 | - | - | 154 | 128 | 91 | 90 | 1 | 37 | - | 26 | - | - | 63 | 71.09% |
| 5.3 | Nguyễn Đại Nghĩa | 62 | 152 | 63 | 89 | 1 | - | 151 | 120 | 69 | 69 | - | 50 | 1 | 30 | - | 1 | 82 | 57.50% |
| 5.4 | Vũ Thị Thanh | 16 | 78 | 58 | 20 | - | - | 78 | 46 | 15 | 13 | 2 | 31 | - | 32 | - | - | 63 | 32.61% |
| 6 | Chi cục THADS huyện Thuận Thành | 138 | 508 | 273 | 235 | 5 | - | 503 | 340 | 204 | 203 | 1 | 136 | - | 162 | 1 | - | 299 | 60.00% |
| 6.1 | Nguyễn Thế Cung | 19 | 109 | 81 | 28 | 4 | - | 105 | 60 | 25 | 25 | - | 35 | - | 45 | - | - | 80 | 41.67% |
| 6.2 | Nguyễn Khắc Lâm | 64 | 192 | 86 | 106 | - | - | 192 | 145 | 102 | 101 | 1 | 43 | - | 47 | - | - | 90 | 70.34% |
| 6.3 | Vũ Văn Hình | 4 | 7 | - | 7 | - | - | 7 | 7 | 5 | 5 | - | 2 | - | - | - | - | 2 | 71.43% |
| 6.4 | Trần Quốc Thoan | 51 | 200 | 106 | 94 | 1 | - | 199 | 128 | 72 | 72 | - | 56 | - | 70 | 1 | - | 127 | 56.25% |
| 7 | Chi cục THADS huyện Gia Bình | 129 | 316 | 185 | 131 | 4 | - | 312 | 202 | 95 | 93 | 2 | 106 | 1 | 108 | 2 | - | 217 | 47.03% |
| 7.1 | Nguyễn Ngọc Quý | 23 | 28 | 5 | 23 | 4 | - | 24 | 22 | 9 | 9 | - | 13 | - | 2 | - | - | 15 | 40.91% |
| 7.2 | Đỗ Hải Hoàn | 60 | 132 | 70 | 62 | - | - | 132 | 94 | 49 | 48 | 1 | 44 | 1 | 38 | - | - | 83 | 52.13% |
| 7.3 | Nguyễn Đăng Hùng | 46 | 156 | 110 | 46 | - | - | 156 | 86 | 37 | 36 | 1 | 49 | - | 68 | 2 | - | 119 | 43.02% |
| 8 | Chi cục THADS huyện Lương Tài | 90 | 298 | 180 | 118 | 4 | - | 294 | 193 | 92 | 91 | 1 | 101 | - | 97 | 4 | - | 202 | 47.67% |
| 8.1 | Trần Gia Long | 5 | 33 | 17 | 16 | - | - | 33 | 23 | 20 | 20 | - | 3 | - | 10 | - | - | 13 | 86.96% |
| 8.2 | Nguyễn Tiến Trung | 50 | 161 | 99 | 62 | 2 | - | 159 | 110 | 42 | 42 | - | 68 | - | 48 | 1 | - | 117 | 38.18% |
| 8.3 | Ngô Thị Hương | 35 | 104 | 64 | 40 | 2 | - | 102 | 60 | 30 | 29 | 1 | 30 | - | 39 | 3 | - | 72 | 50.00% |

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2022

CỤC TRƯỞNG

0

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Thị Duyên



Biểu số: 05/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG TIỀN CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN**
04 tháng/năm 2022

Đơn vị báo cáo: Cục THADS tỉnh Bắc Ninh
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

| STT | Tên chi tiêu | Tổng số giải quyết | Chia ra: | | | Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA | Tổng số phát thi hành | Tổng số có điều kiện thi hành | Tổng số thi hành xong | Chia ra: | | | Trợ cấp theo điểm c k1, D 48 | Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) | Hoàn thi hành án (trừ điểm c k1, D 48) | Tạm đình chỉ thi hành án | Số chuyển kỳ sau | Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện | | |
|-----------------------------|-------------------------|--------------------|--|-------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|--|--|--------------------------|------------------|---|---------------------|---------------|
| | | | Chia ra: | | Giảm nghĩa vụ thi | | | | | Đang thi hành | Hoàn theo điểm c k1, D 48 | Trợ cấp theo điểm c k1, D 48 | | | | | | | | |
| | | | Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) | Thụ lý mới | | | | | | | | | | | | | | | Ủy thác thi hành án | Thị hành xong |
| A | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| Tổng số | | 2.186.545,561 | 1.569.396,451 | 617.149,110 | 127.151,434 | 353,423 | 2.059,040,704 | 1.133.245,295 | 241.072,974 | 209.662,080 | 31.410,894 | - | 892.168,614 | 3.703 | 4 | 595.329,595 | 329.830,813 | 635,001 | 1.817.067,730 | 21,27% |
| I | Cục THADS tỉnh Bắc Ninh | 487.027,027 | 269.654,172 | 217.372,855 | 91.707,684 | - | 395.319,343 | 187.356,001 | 10.779,943 | 10.648,943 | 131,000 | - | 176.576,058 | - | - | 190.253,229 | 17.710,113 | - | 384.539,400 | 5,75% |
| 1 | Nguyễn Bá Bình | 6.252 | - | 6.252 | - | - | 6.252 | 6.252 | 6.252 | 6.252 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 100,00% |
| 2 | Khiếu Thành Dũng | 222.753,556 | 101.534,387 | 121.219,169 | 137,524 | - | 222.016,032 | 135.930,050 | 6.867,256 | 6.867,256 | - | - | 129.062,814 | - | - | 73.532,651 | 13.153,331 | - | 215.748,796 | 5,05% |
| 3 | Đỗ Đăng Hợp | 399,116 | - | 399,116 | 16,600 | - | 382,516 | 382,516 | 382,516 | 382,516 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 100,00% |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 140.359,533 | 47.910,639 | 92.448,894 | 90,964,137 | - | 49.395,396 | 47.058,423 | 1.631,699 | 1.500,699 | 131,000 | - | 45,426,724 | - | - | 2.336,973 | - | - | 47,63,697 | 3,47% |
| 5 | Nguyễn Đăng Thăng | 121,693,011 | 118,953,899 | 2,739,112 | 555,133 | - | 121,137,878 | 3,451,737 | 1,841,462 | 1,841,462 | - | - | 1,610,275 | - | - | 113,129,359 | 4,556,782 | - | 119,296,416 | 53,35% |
| 6 | Hoàng Đức Toàn | 1,570,995 | 1,255,247 | 315,748 | - | - | 1,570,995 | 316,749 | 1,608 | 1,608 | - | - | 315,141 | - | - | 1,254,246 | - | - | 1,569,387 | 0,51% |
| 7 | Lương Minh Tuấn | 42,571 | - | 42,571 | 4,690 | - | 37,881 | 37,881 | 501 | 501 | - | - | 37,380 | - | - | - | - | - | 37,380 | 1,32% |
| 8 | Nguyễn Chi Hoàn | 14,003 | - | 14,003 | - | - | 14,003 | 14,003 | 4,003 | 4,003 | - | - | 10,000 | - | - | - | - | - | 10,000 | 28,59% |
| 9 | Nguyễn Hoài Phương | 187,390 | - | 187,390 | 29,600 | - | 157,790 | 157,790 | 44,066 | 44,066 | - | - | 113,724 | - | - | - | - | - | 113,724 | 27,93% |
| 10 | Nguyễn Đức Hùng | 600 | - | 600 | - | - | 600 | 600 | 600 | 600 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 100,00% |
| II Các chi cục THADS | | 1,699,518,534 | 1,299,742,279 | 399,776,255 | 35,443,750 | 353,423 | 1,663,721,261 | 945,889,294 | 230,293,031 | 199,013,137 | 31,279,894 | - | 715,592,556 | 3,703 | 4 | 405,076,366 | 312,120,700 | 635,001 | 1,433,428,330 | 24,35% |
| I Chi cục THADS TP Bắc Ninh | | 681,038,408 | 596,706,682 | 84,332,726 | 26,602,634 | 115,497 | 654,220,277 | 249,064,347 | 70,437,964 | 69,893,805 | 544,159 | - | 178,622,679 | 3,701 | 3 | 133,062,406 | 272,193,523 | 1 | 583,882,313 | 28,28% |
| 1.1 | Nguyễn Văn Tiến | 276,186 | 7,078 | 269,108 | 17,688 | - | 258,498 | 258,498 | 250,821 | 250,821 | - | - | 7,677 | - | - | - | - | - | 7,677 | 97,03% |
| 1.2 | Lê Quốc Trang | 366,684,911 | 340,190,939 | 26,493,972 | 3,649,648 | 115,497 | 362,019,766 | 77,944,560 | 22,002,383 | 21,891,383 | 111,000 | - | 55,938,476 | 3,701 | - | 33,487,918 | 251,487,287 | 1 | 340,917,383 | 28,23% |
| 1.3 | Ng Quốc Cường | 70,638,079 | 70,565,973 | 272,106 | 400 | - | 70,637,679 | 26,200,354 | 3,318,842 | 3,298,842 | 20,000 | - | 22,881,512 | - | - | 44,437,325 | - | - | 67,318,837 | 12,67% |
| 1.4 | Phạm Đình Tuấn | 116,075,432 | 97,779,400 | 18,296,032 | 11,218 | - | 116,064,214 | 100,471,717 | 13,286,945 | 13,187,945 | 101,000 | - | 87,182,772 | - | - | 15,306,361 | 286,236 | - | 102,775,269 | 13,23% |
| 1.5 | Trương Quốc Bình | 53,706,489 | 49,439,209 | 4,267,280 | 1,000 | - | 53,705,489 | 29,392,868 | 21,882,534 | 21,882,534 | - | - | 7,510,431 | - | 3 | 23,892,321 | 420,000 | - | 31,822,955 | 74,45% |
| 1.6 | Đinh Văn Sơn | 73,657,311 | 38,923,083 | 34,734,228 | 22,922,680 | - | 50,734,631 | 14,796,250 | 9,694,439 | 9,382,280 | 312,159 | - | 5,101,811 | - | - | 15,938,381 | 20,000,000 | - | 41,040,192 | 65,52% |
| 2 Chi cục THADS TP Từ Sơn | | 379,156,275 | 286,630,414 | 92,525,961 | 457,553 | - | 378,698,822 | 269,569,727 | 83,054,678 | 67,641,363 | 15,413,315 | - | 186,515,048 | - | 1 | 77,798,466 | 31,330,629 | - | 295,644,144 | 30,81% |
| 2.1 | Chu Văn Thoa | 170,461 | 34,357 | 136,104 | 650 | - | 169,811 | 159,811 | 101,463 | 101,463 | - | - | 58,348 | - | - | 10,000 | - | - | 68,348 | 63,49% |
| 2.2 | Vũ Mạnh Cường | 100,279,354 | 74,869,780 | 25,409,574 | 4,713 | - | 100,274,641 | 85,981,177 | 29,286,678 | 27,242,785 | 2,043,893 | - | 56,694,499 | - | - | 6,534,100 | 7,759,364 | - | 70,987,963 | 34,06% |
| 2.3 | Đỗ Hùng Cường | 155,017,029 | 122,539,174 | 30,477,855 | - | - | 153,017,029 | 93,990,429 | 34,786,035 | 33,517,013 | 11,269,022 | - | 59,204,393 | - | 1 | 46,803,451 | 12,223,149 | - | 118,230,994 | 37,01% |
| 2.4 | Ngô Đức Tuyên | 125,689,531 | 89,187,103 | 36,502,428 | 452,190 | - | 125,237,341 | 89,438,310 | 18,880,502 | 16,780,102 | 2,100,400 | - | 70,557,808 | - | - | 24,450,915 | 11,348,116 | - | 106,356,839 | 21,11% |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|-----------------------------|-------------|-------------|------------|-----------|---------|-------------|-------------|------------|------------|-----------|-------------|---|------------|-----------|---------|-------------|--------|
| 3 | Chi cục THADS h Tiền Du | 167,491,822 | 84,751,113 | 82,740,709 | 3,654,007 | 170,316 | 163,667,499 | 144,528,376 | 5,699,666 | 5,686,175 | 13,491 | 138,828,710 | - | 16,989,123 | 2,150,000 | - | 157,967,833 | 3.94% |
| 3.1 | Đào Đức Mạnh | 15,650,288 | 9,249,595 | 6,400,693 | 3,654,007 | 170,316 | 11,825,965 | 11,446,339 | 783,863 | 770,372 | 13,491 | 10,662,476 | - | 379,626 | - | - | 11,042,102 | 6.85% |
| 3.2 | Nguyễn Văn Hùng | 82,229,219 | 16,329,444 | 65,899,775 | - | - | 82,229,219 | 76,920,910 | 1,496,474 | 1,496,474 | - | 75,424,436 | - | 3,158,309 | 2,150,000 | - | 80,732,745 | 1.95% |
| 3.3 | Nguyễn Ngọc Thạch | 69,612,315 | 59,172,074 | 10,440,241 | - | - | 69,612,315 | 56,161,127 | 3,419,329 | 3,419,329 | - | 52,741,798 | - | 13,451,188 | - | - | 66,192,986 | 6.09% |
| 4 | Chi cục THADS h Yên Phong | 212,033,206 | 122,917,597 | 89,115,609 | 17,223 | 67,610 | 211,948,373 | 176,493,315 | 46,964,318 | 38,480,836 | 8,483,482 | 129,528,997 | - | 31,778,810 | 3,676,248 | - | 164,984,055 | 26.61% |
| 4.1 | Nguyễn Tiến Lực | 89,453,510 | 46,765,345 | 42,688,165 | - | 67,610 | 89,385,900 | 75,109,522 | 14,135,623 | 10,753,702 | 3,381,921 | 60,973,899 | - | 14,276,578 | - | - | 75,520,277 | 18.82% |
| 4.2 | Lê Đăng Đào | 39,450,255 | 23,378,098 | 16,072,157 | 17,223 | - | 39,433,032 | 30,454,496 | 14,286,955 | 13,040,028 | 1,246,927 | 16,167,541 | - | 5,302,288 | 3,676,248 | - | 25,146,077 | 46.91% |
| 4.3 | Nguyễn Công Diễn | 44,199,462 | 36,738,636 | 7,460,826 | - | - | 44,199,462 | 33,462,203 | 7,418,958 | 6,439,279 | 979,679 | 26,043,245 | - | 10,737,259 | - | - | 36,780,504 | 22.17% |
| 4.4 | Nguyễn Thế Nội | 38,929,979 | 16,035,518 | 22,894,461 | - | - | 38,929,979 | 37,467,094 | 11,122,782 | 8,247,827 | 2,874,955 | 26,344,312 | - | 1,462,885 | - | - | 27,807,197 | 29.69% |
| 5 | Chi cục THADS h Quế Võ | 66,627,816 | 60,076,501 | 6,551,315 | 77,573 | - | 66,550,243 | 21,180,876 | 6,500,209 | 3,219,134 | 3,281,075 | 14,680,666 | 1 | 44,734,267 | - | 635,000 | 60,050,034 | 30.69% |
| 5.1 | Cung Văn Tâm | 6,188,360 | 5,097,578 | 1,090,782 | 48,753 | - | 6,139,607 | 1,791,930 | 1,050,429 | 1,048,329 | 2,100 | 741,501 | - | 4,347,677 | - | - | 5,089,178 | 58.62% |
| 5.2 | Lê Nho Luân | 12,202,645 | 11,180,016 | 1,022,629 | - | - | 12,202,645 | 2,462,665 | 553,199 | 485,199 | 68,000 | 1,909,466 | - | 9,739,980 | - | - | 11,649,446 | 24.46% |
| 5.3 | Nguyễn Đại Nghĩa | 31,572,733 | 27,186,888 | 4,385,845 | 28,820 | - | 31,543,913 | 10,450,917 | 1,687,876 | 1,647,876 | 40,000 | 8,763,040 | 1 | 20,457,996 | - | 635,000 | 29,856,037 | 16.15% |
| 5.4 | Vũ Thị Thanh | 16,664,078 | 16,612,019 | 52,059 | - | - | 16,664,078 | 6,473,364 | 3,208,705 | 3,773,30 | 3,170,975 | 3,266,659 | - | 10,188,714 | - | - | 13,455,373 | 49.55% |
| 6 | Chi cục THADS h Thuận Thành | 91,414,259 | 81,241,728 | 10,172,631 | 3,083,347 | - | 88,331,012 | 33,015,937 | 10,509,345 | 7,914,148 | 2,595,197 | 22,506,592 | - | 53,367,075 | 1,948,000 | - | 77,821,667 | 31.83% |
| 6.1 | Nguyễn Thiế Cung | 5,701,529 | 5,491,403 | 210,126 | 33,347 | - | 5,668,182 | 4,629,951 | 358,206 | 358,206 | - | 4,271,745 | - | 1,038,231 | - | - | 5,309,976 | 7.74% |
| 6.2 | Nguyễn Khắc Lâm | 55,751,485 | 52,421,802 | 3,329,683 | - | - | 55,751,485 | 8,192,277 | 4,614,027 | 3,759,627 | 854,400 | 3,578,250 | - | 47,559,208 | - | - | 51,137,458 | 56.32% |
| 6.3 | Vũ Văn Minh | 64,102 | - | 64,102 | - | - | 64,102 | 64,102 | 18,902 | 18,902 | - | 45,200 | - | - | - | - | 45,200 | 29.49% |
| 6.4 | Trần Quốc Thoan | 29,897,243 | 23,328,523 | 6,568,720 | 3,050,000 | - | 26,847,243 | 20,129,607 | 5,518,210 | 3,777,413 | 1,740,797 | 14,611,397 | - | 4,769,636 | 1,948,000 | - | 21,329,033 | 27.41% |
| 7 | Chi cục THADS h Gia Bình | 48,872,863 | 18,926,948 | 29,945,915 | 1,466,775 | - | 47,406,088 | 37,102,570 | 3,507,251 | 2,727,417 | 779,834 | 33,595,318 | 1 | 10,251,018 | 52,500 | - | 43,898,837 | 9.45% |
| 7.1 | Nguyễn Ngọc Quý | 4,955,549 | 33,425 | 4,922,124 | 1,466,775 | - | 3,488,774 | 3,080,444 | 57,048 | 57,048 | - | 3,023,396 | - | 408,330 | - | - | 3,431,726 | 1.85% |
| 7.2 | Đỗ Hải Hoàn | 7,689,290 | 6,491,188 | 1,198,102 | - | - | 7,689,290 | 4,754,568 | 1,596,617 | 965,200 | 631,417 | 3,157,950 | 1 | 2,934,722 | - | - | 6,092,673 | 33.58% |
| 7.3 | Nguyễn Đăng Hùng | 36,228,024 | 12,402,335 | 23,825,689 | - | - | 36,228,024 | 29,267,558 | 1,853,386 | 1,705,169 | 148,417 | 27,413,972 | - | 6,907,966 | 52,500 | - | 34,374,438 | 6.33% |
| 8 | Chi cục THADS h Lương Tài | 52,883,685 | 48,492,296 | 4,391,389 | 84,638 | - | 52,799,047 | 14,934,146 | 3,619,600 | 3,450,259 | 169,341 | 11,314,546 | - | 37,095,101 | 769,800 | - | 49,179,447 | 24.24% |
| 8.1 | Trần Gia Long | 13,773,628 | 13,306,024 | 467,604 | - | - | 13,773,628 | 928,119 | 680,425 | 592,284 | 88,141 | 247,694 | - | 12,845,509 | - | - | 13,093,203 | 73.31% |
| 8.2 | Nguyễn Tiến Trung | 17,568,389 | 15,037,276 | 2,531,113 | 25,500 | - | 17,542,889 | 7,043,957 | 553,070 | 517,270 | 35,800 | 6,490,887 | - | 9,961,132 | 537,800 | - | 16,989,819 | 7.85% |
| 8.3 | Ngô Thị Hương | 21,541,668 | 20,148,996 | 1,392,672 | 59,138 | - | 21,482,530 | 6,962,070 | 2,386,105 | 2,340,705 | 45,400 | 4,575,965 | - | 14,288,460 | 232,000 | - | 19,096,425 | 34.27% |

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2022

0

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Thị Duyên



Nguyễn Chí Hoàn